

GV: Phạm Thị Hà
Tổ: Ngữ văn
KHBD:11
Tiết 54 :

TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I (Khối :11)

A/ Mục tiêu cần đạt :

1/Kiến thức:

- Kiến thức liên quan đến đọc hiểu văn bản nghị luận.
- Giúp hs nắm yêu cầu của văn nghị luận
- Học sinh thấy được những mặt được và chưa được của bài làm mình, từ đó biết cách khắc phục để bài viết sau đạt khá, tốt.

2/Kĩ năng:

- Viết bài văn nlxh.
- Học hỏi từ bài làm của bạn, thầy cô.

3/Thái độ :

- Thái độ đúng đắn với kết quả bài làm.
- Biết nhận ra ưu điểm và hạn chế bản thân...

4/Năng lực:

a.Năng lực chung:Hợp tác để có kết quả tốt.
Thu thập kiến thức...

b.Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực viết văn nghị luận xh.
- Năng lực suy xét vấn đề...

II/Chuẩn bị :

1/GV: Thiết kế tiết trả bài,bài làm hs,stk

2/HS:Bài làm,...

III/Tổ chức hoạt động dạy học:

1/ Ổn định lớp.

2/ Thực hiện việc trả bài và sửa bài:

HĐ của GV	HĐ của HS	Nội dung cần đạt
HĐ1: Giúp hs xác định yêu cầu đề ở phần đọc hiểu.	HS làm việc cá nhân	<u>I Đọc hiểu</u> (Đã có phần HDC)
HĐ 2:Giúp HS xác định yêu cầu đề: - Từ đề, bài viết đã làm em hãy cho biết tl, nội dung, tư liệu để thực hiện bài	Hs nêu yêu cầu ht,nd HS: Xác định thể loại, tư liệu thực hiện.	<u>II / Xác định yêu cầu bài văn.</u> 1/ Thể loại:văn nl xh 2/ Nội dung : Ý nghĩa của lòng kiên trì trong cuộc sống. 3/ Tư liệu :Thực tế 4/Thao tác:gt, pt,bình luận... <u>IV/ Xây dựng dàn ý bài viết</u> * Mở bài : Giới thiệu vấn đề-Ý nghĩa của lòng

ưu + nhược điểm bài làm. Chỉ ra lỗi và chữa lỗi. Bài làm của em ... ntn? GV: lần lượt chỉ ra ưu ,khuyết chung cho bài viết. -Sau đó chỉ ra lỗi và sửa các loại lỗi. HD7: GV cho các hs chấm bài nhau . HD8: Đọc bài viết hay để giúp hs học hỏi, bổ sung kiến thức .	HS 2 tổ ngồi gần đổi bài, đọc-cho điểm. HS lắng nghe, ghi chép nếu cần .	+ Liên hệ bản thân: cần rèn luyện kiên trì trong học tập, lao động và cuộc sống hàng ngày. * Kết bài: Khẳng định lại vấn đề nghị luận Ý nghĩa của lòng kiên trì trong cuộc sống. V/ Đọc đáp án .(Đã có phần trước) VI/ Nhận xét, chữa lỗi bài làm hs . <u>1/ Nhận xét chung:</u> - Ưu: Xác định thể loại, biết viết làm rõ luận đề - Nhược: Bài viết sơ sài .Chưa xác định luận điểm, luận cứ...Diễn đạt vụng, tối nghĩa . <u>2/ Chữa lỗi:</u> a/ Chữa lỗi dùng từ, chính tả,từ đúng nghĩa, từ dùng có tính chất linh hoạt... b/ Chữa lỗi ngữ pháp: Câu rõ nghĩa, chấm câu, câu đầy đủ thành phần, các thành phần câu rõ ràng.... c/ Chữa lỗi diễn đạt: Phải rõ nghĩa ,trôi chảy tránh sự vụng về . Khi trình bày không được gạch đầu dòng. d/ Lỗi về nội dung: Xác định được vấn đề nghị luận,từ đó làm rõ vấn đề nghị luận . <u>3/Kết quả chung;</u> 11/4: TTB= , DTB= 11/9: TTB= , DTB= 11/11: TTB= , DTB= VII/Đối chiếu bài làm: Giữa các hs trong lớp. VIII/ Đọc bài viết hay + tư liệu (nếu có) GV đọc mẫu các đoạn văn bài viết hay HS nghe (có thể ghi chép)
--	--	--

IV/Hướng dẫn học bài:

- Cách thức làm đoạn văn nl xh?
- Chuẩn bị bài học

V/Rút kinh nghiệm

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: NGỮ VĂN 11
Thời gian làm bài: 90 phút

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

1. **Kiến thức:** Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với một số nội dung Đọc hiểu và Làm văn trọng tâm trong chương trình Ngữ văn 11 học kỳ I.
2. **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng Đọc hiểu một văn bản ngoài chương trình sách giáo khoa và kỹ năng vận dụng các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt, cách lập luận... để viết bài văn nghị luận xã hội (con người với cuộc sống xung quanh); kỹ năng trình bày và diễn đạt các nội dung bài viết một cách rõ ràng, đúng quy cách.
3. **Thái độ:** Có quan điểm tích cực, có ý thức sống lành mạnh, có tâm hồn nhân ái.
4. **Năng lực:** Phát huy năng lực tư duy, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực sáng tạo của học sinh.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. **Hình thức:** Tự luận, thời gian 90 phút
2. **Cách thức tổ chức kiểm tra:** Kiểm tra chung.

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN NGỮ VĂN 11

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Văn bản nghị luận	2	3	1	6
Tỉ lệ % điểm			15%	30%	15%	60%

2	Làm văn	Viết bài văn nghị luận xã hội	1	1	1	1
Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi			10%	15%	15%	40%
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			25%	45%	30%	100%

IV. Bảng đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá cuối kỳ 1, Ngữ Văn 11

TT	Nội dung kiến thức/ Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ Kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Văn bản nghị luận	Nhận biết - Nhận biết từ ngữ, hình ảnh, thái độ người viết; - Nhận biết các phương thức biểu đạt được sử dụng ... Thông hiểu - Phân tích tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. -Nêu được luận đề, luận điểm của văn bản -Hiểu được nội dung, mục đích của văn bản; quan điểm của tác giả; mối quan hệ giữa mục đích và kết quả trong văn bản... Vận dụng - Rút ra được những bài học, thông điệp cho bản thân. - Nêu được quan điểm, nhận thức riêng của cá nhân.	2	3	1		6

2	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (con người và cuộc sống xung quanh)	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. -Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. -Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. - Sử dụng kết hợp các yếu tố phụ trợ một cách linh hoạt và hiệu quả. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các	*	*	*	*	1
---	---	--	--	---	---	---	---	---

			phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội.					
Tổng								7
Tỉ lệ %				25%	45%	15%	15%	100%
Tỉ lệ chung				70%		30%		100%

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề này có 2 trang)

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Ở phương Đông cổ xưa khi lựa chọn bò đực thi đấu có một trình tự nhất định. Sau khi bị đưa vào đấu trường, chúng xông vào tấn công đầu sĩ cầm giáo dài. Trọng tài lấy số lần nó tấn công vào đầu sĩ sau khi nó bị đâm để đánh giá mức độ dũng cảm của con bò đực này. Từ nay về sau, ta cần phải chấp nhận, cuộc đời hàng ngày của ta cũng phải trải qua những thử thách tương tự. ta phải kiên nhẫn không lùi bước, dũng cảm xông lên. Ta sẵn sàng chấp nhận thách thức, cho dù phải trả giá đắt những vẫn vươn lên. Cuối cùng ta vẫn là người chiến thắng.

Ta không phải vì thất bại mới đến thế giới này. Trong huyết quản của ta không có chỗ cho những dòng máu thất bại lưu thông. Ta không phải con cừu non mặc cho người khác đánh đập. Ta là một con sư tử dũng mãnh, không ở chung với đàn cừu. Ta không muốn nghe tiếng khóc than của những kẻ bất hạnh, những lời oán thán của những kẻ bất lực. Bởi đó là bệnh dịch đáng sợ. Ta không thể để mình lây bệnh.

Phần thưởng của cuộc đời ở điểm cuối của cuộc hành trình, đâu phải ở điểm xuất phát. Ta chưa biết phải đi bao nhiêu bước nữa mới đến mục tiêu. Khi đi được một nghìn bước đầu tiên, ta vẫn có thể gặp thất bại. Trừ những chỗ rẽ ra, ta không bao giờ biết sẽ phải đi bao xa.

Lại tiến thêm một bước, nếu vẫn chưa thấy tiến bộ gì, thì lại bước thêm bước nữa. thực tế, mỗi lần tiến bộ một chút, điều này không khó lắm.

Từ hôm nay về sau, ta thừa nhận sự phấn đấu của ta mỗi ngày, giống như bỏ được một nhát rìu vào một cây cổ thụ chọc trời. Những nhát rìu đầu tiên, có thể sẽ chưa hề có dấu vết. Mỗi nhát bỏ xem như không đáng kể gì, vậy mà nếu bỏ liên tục không ngừng, cây cổ thụ cuối cùng sẽ đổ. Điều này giống như sự cố gắng hằng ngày của ta hiện nay.

(Theo Người bán hàng vĩ đại nhất thế giới – Og Mandino, Trần Đình Tuấn biên dịch, NXB Thanh Hóa, 2011, tr. 85-87)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,75 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?

Câu 2 (0,75 điểm). Trong văn bản, người Phương Đông dựa vào đâu để đánh giá sự dũng mãnh của con bò đực.

Câu 3 (1,0 điểm). Anh/Chị hãy xác định luận đề được thể hiện trong văn bản trên.

Câu 4 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong những câu văn sau: *Từ hôm nay về sau, ta thừa nhận sự phấn đấu của ta mỗi ngày, giống như bỏ được một nhát rìu vào một cây cổ thụ chọc trời. Những nhát rìu đầu tiên, có thể*

sẽ chưa hề có dấu vết. Mỗi nhát bổ xem như không đáng kể gì, vậy mà nếu bổ liên tục không ngừng, cây cổ thụ cuối cùng sẽ đổ.

Câu 5 (1,0 điểm). Vì sao tác giả cho rằng “Phần thưởng của cuộc đời ở điểm cuối của cuộc hành trình, đâu phải ở điểm xuất phát”?

Câu 6 (1,5 điểm). Từ nội dung của văn bản, anh/chị hãy rút ra cho mình bài học có ý nghĩa nhất. (Trả lời bằng đoạn văn ngắn)

II. PHẦN VIẾT (4 điểm)

Anh /chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của lòng kiên trì trong cuộc sống.

-----**Hết**-----

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý hướng dẫn chấm.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: 0,0 điểm.	0.75
	2	Trong văn bản, người Phương Đông để đánh giá sự dũng mãnh của con bò đực dựa vào: - Trọng tài lấy số lần nó tấn công vào đầu sĩ sau khi nó bị đâm Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: 0,0 điểm.	0.75
	3	Luận đề trong văn bản là: <i>Luận đề là kiên trì, nhẫn nại sẽ đạt được thành công trong cuộc sống.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: 0,0 điểm. (Có thể diễn đạt khác nhưng cần làm rõ tinh thần: ý chí vượt khó, sự kiên nhẫn, bền bỉ và niềm tin vào giá trị của sự phấn đấu lâu dài.) <i>Lưu ý: GV linh hoạt cho điểm</i>	1.0
	4	Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong những câu văn: <i>Từ hôm nay về sau, ta thừa nhận sự phấn đấu của ta mỗi ngày, giống như bổ được một nhát rìu vào một cây cổ thụ chọc trời. Những nhát rìu đầu tiên, có thể sẽ chưa hề có dấu vết. Mỗi nhát bổ xem như không đáng kể gì, vậy mà nếu bổ liên tục không ngừng, cây cổ thụ cuối cùng sẽ đổ.</i> - Biện pháp tu từ: So sánh: <i>Sự phấn đấu của ta mỗi ngày được so</i>	1.0

	sánh với việc <i>bổ được một nhát rìu vào một cây cổ thụ chọc trời.</i> - Tác dụng: + Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm hơn + Nhấn mạnh nỗ lực hằng ngày của mỗi người tuy chưa đem lại chuyển biến ngay tức thì nhưng nếu ta kiên trì, nhẫn nại hành động thì sẽ đem lại thành công to lớn vào một ngày không xa. + Làm nổi bật lời khuyên của tác giả: Hãy kiên trì, nhẫn nại mỗi ngày, thành công sẽ tới với chúng ta. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án hoặc tương đương: 1.0 điểm - Học sinh chỉ ra được phép tu từ so sánh: 0,25 điểm - Học sinh trả lời 2 ý tác dụng: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng: 0.0 điểm <i>Lưu ý: Học sinh có thể có cách diễn đạt khác, tương đương thì giáo viên linh hoạt cho điểm.</i>	
5	Vì sao tác giả cho rằng “Phần thưởng của cuộc đời ở điểm cuối của cuộc hành trình, đâu phải ở điểm xuất phát”? Vì: - Để đạt được thành công hay mục tiêu đã đặt ra là điều không hề dễ dàng, phải trải qua một hành trình dài. - Tác giả muốn khuyên mỗi người hãy kiên trì với con đường đã chọn; thành công và phần thưởng cuộc đời chỉ đến với người biết nỗ lực, kiên trì, không bỏ cuộc. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh 1 ý: 0.5 điểm - Học sinh không trả lời: 0.0 điểm	1.0
6	Qua văn bản, anh/chị hãy rút ra cho mình bài học có ý nghĩa (trình bày đoạn văn ngắn). - Học sinh rút ra bài học có ý nghĩa nhất phù hợp với nội dung văn bản và chuẩn mực đạo đức và pháp luật. - Học sinh tham khảo một số bài học như: Dũng cảm đối mặt với thử thách; Hãy tự tin và khẳng định bản thân hoặc hãy tránh xa tư tưởng bi quan, thất bại Hướng dẫn chấm: Về hình thức - Hình thức một đoạn văn: (0.25 điểm) Về nội dung - Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau, GV linh hoạt cho điểm - Học sinh diễn đạt tốt có sức thuyết phục: (1.25 điểm) - Học sinh, diễn đạt được nhưng còn mắc vài lỗi chính tả, câu, nêu được ý nghĩa bài học có sức thuyết phục: (1.0 điểm)	1.5

		- Học sinh diễn đạt còn sơ sài, còn mắc vài lỗi chính tả: (0,25 - 0.5 điểm) - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0.0 điểm.	
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b.. Xác định đúng yêu cầu của đề. Ý nghĩa của lòng kiên trì trong cuộc sống.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của lòng kiên trì trong cuộc sống. Lòng kiên trì có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống và sự trưởng thành của mỗi người. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận, có thể theo một số gợi ý sau: - Trình bày bản chất của vấn đề và nêu quan điểm của người viết: + Giải thích: Lòng kiên trì là một trong những đức tính có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời của mỗi người. + Kiên trì không phải làm một cách cố chấp, mà là nỗ lực có định hướng, biết điều chỉnh để phù hợp hoàn cảnh. - Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, bàn về các khía cạnh của vấn đề: + Tích cực: ++ Lòng kiên trì giúp con người rèn luyện ý chí, nghị lực, từ đó không dễ dàng bị vấp ngã trước những khó khăn, thử thách. ++ Kiên trì mỗi ngày với mục tiêu đã đặt ra làm cho con người trở nên bản lĩnh hơn, không sợ hãi hay lùi bước trước những khó khăn có thể xảy đến trong cuộc sống. ++ Người có lòng kiên trì tích góp được cho mình nhiều kinh nghiệm quý giá và sự dẻo dai, là chìa khóa dẫn đến sự thành công trong nhiều lĩnh vực. ++ Lòng kiên trì góp phần hình thành nhân cách sống đẹp: bền bỉ, trách nhiệm, không dễ buông xuôi. ++ Lựa chọn dẫn chứng để làm sáng tỏ lí lẽ đã đưa ra: Học sinh lựa chọn dẫn chứng phù hợp với vấn đề nghị luận. + Trái chiều: ++ Thiếu đi lòng kiên trì, con người dễ rơi vào sự chán nản, bỏ dở mọi việc giữa chừng, dễ nảy sinh tâm lý ỷ lại hay phụ thuộc	1.5

	vào người khác, từ đó khó thành công trong mọi việc. - <i>Rút ra bài học nhận thức và hành động đối với cá nhân hoặc cộng đồng:</i> + Mỗi người cần rèn luyện lòng kiên trì qua những việc nhỏ mỗi ngày; đặt mục tiêu cụ thể và tiến từng bước. + Khi gặp khó khăn, phải giữ tinh thần bình tĩnh, không bỏ cuộc. + Liên hệ bản thân: cần rèn luyện kiên trì trong học tập, lao động và cuộc sống hàng ngày. * Kết bài: Khẳng định lại vấn đề nghị luận <i>Ý nghĩa của lòng kiên trì trong cuộc sống.</i> Hướng dẫn chấm: - <i>Viết đầy đủ, sâu sắc: 1,25 điểm - 1,5 điểm.</i> - <i>Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ: 0,75 điểm – 1,0 điểm.</i> - <i>Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm</i>	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	1.5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong bài văn. Hướng dẫn chấm: <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0.25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.</i> - <i>Không đáp ứng được yêu cầu: 0,00 điểm.</i>	0.25
Tổng điểm		10.0